TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Nguyễn Thanh Rực.

- T ký phiên tòa: Bà Tiêu Thanh Nhi – T ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng T, sinh ngày 14/9/2004. Địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ. Căn cước công dân số: 094304014380; ngày cấp: 28/02/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. (vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Đặng T, sinh ngày 27/7/1999. Địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ. Căn cước công dân số: 094099011044; ngày cấp: 24/9/2025; Nơi cấp: Bộ Công an. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T trình bày:

Bà Phạm Thị Hồng T và ông Trần Đặng T tự nguyện kết hôn tháng 01/2022, nhưng đến ngày 27/12/2022 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng không sống chung từ tháng 10/2024 đến nay. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022, do ông T

đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Nay bà T yêu cầu như sau: Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng T yêu cầu ly hôn ông Trần Đặng T. Về con chung: Bà Phạm Thị Hồng T thống nhất giao con chung tên Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022 cho ông Trần Đặng T nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T có đơn đề nghị vắng mặt xét xử.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Đặng T trình bày:* Về hôn nhân: Ông Trần Đặng T không thống nhất ly hôn bà Phạm Thị Hồng T vì ông còn tình cảm với bà T. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022, ông T thống nhất nuôi con chung tên Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022 đến khi thành niên, bà T cấp dưỡng nuôi Đan T mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đến khi thành niên, cấp dưỡng định kỳ háng tháng thì ông thống nhất. Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao con chung tên tên Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022 cho ông Trần Đặng T nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đến khi thành niên, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/9/2025, bà Phạm Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Đặng T cư trú tại ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân nhân: Bà Phạm Thị Hồng T và ông Trần Đặng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà T và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của bà T và ông T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên cuộc sống không còn hạnh phúc và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10/2024 đến nay. Từ khi không sống chung đến nay ông T không có gặp bà T để bàn bạc hàn gắn lại tình cảm.

Xét thấy, ông T không chủ động gặp bà T để hàn gắn tình cảm, hiện nay hôn nhân của bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên bà T và ông T không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn ông T là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Phạm Thị Hồng T và ông Trần Đặng T có một con chung tên Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022. Hiện nay Đan T do ông T đang nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Hồng T thống nhất giao con chung tên Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022 cho ông Trần Đặng T nuôi dưỡng đến khi thành niên. Qua ý kiến trình bày ông T có nguyện vọng nuôi Trần Phạm Đan T đến khi thành niên và ông T đủ điều kiện nuôi Đan T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022 cho ông Trần Đặng T nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hồng T thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022 mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi thành niên, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Hồng T và ông Trần Đặng T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Phạm

Thị Hồng T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình. Ông Trần Đặng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng T ly hôn ông Trần Đặng T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022 cho ông Trần Đặng T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà Phạm Thị Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Phạm Đan T, sinh ngày 13/11/2022, mỗi tháng 2.000.000 đồng (do ông Trần Đặng T là người trực tiếp nuôi dưỡng đại diện cho Trần Phạm Đan T nhận tiền cấp dưỡng) cho đến khi Trần Phạm Đan T thành niên, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng vào ngày 15 (dương lịch), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026 đến khi Trần Phạm Đan T thành niên, địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Phạm Thị Hồng T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Phạm Đan T mà không ai được cản trở. Bà Phạm Thị Hồng T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Phạm Đan T của ông Trần Đặng T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Hồng T và ông Trần Đặng T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng T phải chịu 600.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003277 ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, như vậy bà Phạm Thị Hồng T phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; ông Trần Đặng T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Đặng T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã C, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng